TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-DS	*Thuận Nam, ngày 22 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thanh Yên

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 88/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lê Văn K, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lâm Hoàng K1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Lô T khu K, đường Đ, thành phố P - T, Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* ông Lê Văn S, sinh năm 1966 và bà Lưu Thị T, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Khu phố I, thị trấn P, huyện N, Ninh Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* UBND huyện T.

Địa chỉ trụ sở: Trung tâm hành chính huyện T, thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Xuân V1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trần T1, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông Lê Văn K, bà Phạm Thị V và vợ chồng ông Lê Văn S, bà Lưu Thị T cùng thống nhất thỏa thuận xác định đoạn thẳng (29,30) là ranh giới quyền sử dụng đất giữa Thửa đất 265, tờ bản đồ số 08 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận với Thửa đất 218a, tờ bản đồ số 08 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể: Đoạn thẳng (29,30) là đoạn được nối giữa trung điểm của đoạn (18,19) (đặt số tiếp theo là 29) nối với trung điểm của đoạn (10,11) (đặt số tiếp theo là 30) theo các Trích lục bản đồ địa chính số 548/2023 ngày 04/5/2023; Trích lục đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính (theo Công văn số 12/CV-TA ngày 13/01/2025) và Trích lục đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính (theo Công văn số 25/CV-TA ngày 22/01/2025) của Văn phòng Đ.

Vợ chồng ông Lê Văn S, bà Lưu Thị T đồng ý tháo dỡ đoạn kiềng đá chẻ (25,26,28,27) theo các Trích lục bản đồ địa chính số 548/2023 ngày 04/5/2023; Trích lục đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính (theo Công văn số 12/CV-TA ngày 13/01/2025) và tự nguyện chịu chi phí tháo dỡ đoạn kiềng đá chẻ này, để phân chia ranh giới sử dụng đất theo thỏa thuận nêu trên.

Vợ chồng ông Lê Văn K, bà Phạm Thị V được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai đối với Thửa đất 265, tờ bản đồ số 08 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 810965 của UBND huyện T ngày 15/11/2013, theo ranh giới sử dụng đất thỏa thuận nêu trên.

Vợ chồng ông Lê Văn S, bà Lưu Thị T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai đối với Thửa đất 218a, tờ bản đồ số 08 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 014259 của UBND huyện N (nay thuộc huyện T), theo ranh giới sử dụng đất thỏa thuận nêu trên.

2.2. Về án phí:

+ Nguyên đơn ông Lê Văn K, bà Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp quyền sử dụng đất, nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ các điều 12, 14 Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vợ chồng ông K, bà V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

+ Bị đơn ông Lê Văn S, bà Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng *(bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Lê Văn K, bà Phạm Thị V và bị đơn ông Lê Văn S, bà Lưu Thị T cùng thỏa thuận mỗi bên chịu một nữa chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do vợ chồng ông K, bà V đã nộp đủ toàn bộ 7.300.000 đồng *(bằng chữ: Bảy triệu, ba trăm nghìn đồng)* chi phí này nên vợ chồng ông Lê Văn S, bà Lưu Thị T đồng ý hoàn trả lại cho vợ chồng ông Lê Văn K, bà Phạm Thị V 3.650.000 đồng *(bằng chữ: Ba triệu,*

sáu trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hàn h án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Kèm theo quyết định là các Trích lục bản đồ địa chính số 548/2023 ngày 04/5/2023; Trích lục đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính (theo Công văn số 12/CV-TA ngày 13/01/2025) và Trích lục đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính (theo Công văn số 25/CV-TA ngày 22/01/2025) của Văn phòng Đ*).*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi Cục THA DS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tâm